

Số: 27 /2013/QĐ-UBND

Bến Tre, ngày 15 tháng 8 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định về cơ chế, chính sách hỗ trợ cây giống, vật nuôi, thủy sản để
khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh
trên địa bàn tỉnh Bến Tre**

CỘNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Số: 7038
	Ngày: 26/8

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Thông tư số 187/2010/TT-BTC ngày 22 tháng 11 năm 2010 của Bộ Tài chính quy định về cơ chế, chính sách hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh;

Căn cứ Thông tư số 33/2013/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2013 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Điều 2 Thông tư số 187/2010/TT-BTC ngày 22/11/2010 của Bộ Tài chính quy định về cơ chế, chính sách hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh;

Căn cứ Thông tư số 80/2008/TT-BTC ngày 18 tháng 9 năm 2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ tài chính để phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm;

Căn cứ Thông tư số 53/2010/TT-BTC ngày 14 tháng 4 năm 2010 của Bộ Tài chính quy định về chế độ tài chính để thực hiện phòng, trừ bệnh vàng lùn, lùn xoắn lá và bệnh lùn sọc đen hại lúa;

Căn cứ Thông tư số 39/2010/TT-BNNPTNT ngày 28 tháng 6 năm 2010 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn các loại thiên tai, dịch bệnh nguy hiểm được hỗ trợ theo Quyết định số 142/2009/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 2855/TTr-STC ngày 07 tháng 8 năm 2013,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

a) Các loại thiên tai gây thiệt hại trực tiếp đối với cây trồng, vật nuôi, thủy sản: bão, lũ, lũ quét, ngập lụt, hạn hán, xâm nhập mặn.

b) Loại dịch bệnh nguy hiểm:

- Đối với cây trồng: rầy nâu, bệnh vàng lùn, lùn sọc đen, lùn xoắn lá; bệnh chổi cỏ mía, chổi rồng.

- Đối với vật nuôi: bệnh cúm gia cầm; bệnh lở mồm long móng; bệnh tai xanh ở heo.

- Đối với nuôi trồng thủy sản: bệnh đốm trắng đối với tôm sú, tôm chân trắng; bệnh hội chứng Taura đối với tôm chân trắng; bệnh đầu vàng đối với tôm sú, tôm chân trắng.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Hộ nông dân, ngư dân, chủ trang trại, tổ hợp tác, hợp tác xã sản xuất trong lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản trên địa bàn tỉnh bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh nguy hiểm theo quy định tại khoản 1 Điều này (trừ bệnh vàng lùn, lùn sọc đen, lùn xoắn lá).

b) Hộ nông dân có diện tích lúa bị bệnh vàng lùn, lùn xoắn lá và bệnh lùn sọc đen hại lúa trên địa bàn tỉnh phải phun thuốc bảo vệ thực vật, phải tiêu hủy theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 2. Thời gian hỗ trợ

Thời gian hỗ trợ thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Thông tư số 187/2010/TT-BTC ngày 22 tháng 11 năm 2010 của Bộ Tài chính quy định về cơ chế, chính sách hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh cụ thể như sau:

1. Đối với thiên tai: kể từ ngày thiên tai xảy ra trên từng địa bàn cụ thể theo quyết định công bố loại thiên tai do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định.

2. Đối với dịch bệnh nguy hiểm: kể từ ngày có quyết định công bố dịch trên địa bàn đến khi có quyết định công bố hết dịch của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về bảo vệ thực vật, thú y và thủy sản.

Điều 3. Mức hỗ trợ và hình thức hỗ trợ

1. Mức hỗ trợ theo Phụ lục kèm theo Quyết định này.

2. Hình thức hỗ trợ:

a) Hỗ trợ bằng tiền theo mức hỗ trợ tại khoản 1 Điều này.

b) Trường hợp hỗ trợ bằng hiện vật giống cây trồng, giống vật nuôi, giống thủy sản thì mức hỗ trợ tương đương mức hỗ trợ bằng tiền quy đổi theo giá tại thời điểm hỗ trợ.

Điều 4. Nguồn kinh phí thực hiện

1. Đối với nội dung hỗ trợ tại mục I, III, IV của Phụ lục kèm theo Quyết định này: ngân sách trung ương hỗ trợ 70%; ngân sách tỉnh hỗ trợ 20%; phần còn lại (10%) do ngân sách huyện, thành phố đảm bảo. Trường hợp các huyện, thành phố có mức độ thiệt hại lớn, nếu phần ngân sách huyện, thành phố đảm bảo vượt quá 50% nguồn dự phòng ngân sách huyện, thành phố do Hội đồng nhân dân tỉnh giao, ngân sách tỉnh sẽ bổ sung thêm phần chênh lệch vượt

quá 50% dự phòng ngân sách huyện, thành phố để các địa phương có đủ nguồn kinh phí thực hiện.

2. Đối với nội dung hỗ trợ tại khoản 1 mục II của Phụ lục kèm theo Quyết định này: do ngân sách Trung ương hỗ trợ 100%.

3. Đối với nội dung hỗ trợ tại khoản 2 mục II của Phụ lục kèm theo Quyết định này: do ngân sách các huyện, thành phố đảm bảo. Trường hợp ngân sách các huyện, thành phố có khó khăn, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh để xem xét hỗ trợ hoặc tiếp trình các bộ ngành trung ương hỗ trợ.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

a) Tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định công bố thiên tai, dịch bệnh theo quy định; xác nhận vật nuôi, thủy sản bị thiệt hại do dịch bệnh gây ra để làm cơ sở thực hiện chính sách hỗ trợ.

b) Chủ trì phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan có liên quan hướng dẫn chi tiết thực hiện Quyết định này (về thủ tục hỗ trợ, đánh giá xác nhận tỷ lệ thiệt hại, tổng hợp thiệt hại).

c) Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố chủ động thực hiện các biện pháp phòng chống thiên tai, dịch bệnh nhằm giảm thiểu mức độ thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh gây ra.

d) Phối hợp với các sở, ngành liên quan kiểm tra việc thực hiện cơ chế, chính sách theo Quyết định này.

2. Sở Tài chính:

a) Khi có phát sinh thiên tai, dịch bệnh gây thiệt hại được công bố, Sở Tài chính cân đối nguồn dự phòng ngân sách địa phương và các nguồn tài chính hợp pháp khác tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện hỗ trợ kịp thời để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại.

b) Chủ trì phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các cơ quan, địa phương có liên quan tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh trình Bộ Tài chính tạm ứng kinh phí để triển khai thực hiện khi trường hợp thiên tai, dịch bệnh xảy ra với quy mô lớn mà nguồn dự phòng ngân sách địa phương không đảm bảo để thực hiện.

3. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố:

a) Chủ động thực hiện các biện pháp phòng, chống thiên tai, dịch bệnh trên địa bàn.

b) Tuyên truyền chính sách hỗ trợ của tỉnh trên các phương tiện thông tin đại chúng thuộc địa bàn quản lý.

c) Chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã phối hợp cơ quan chức năng rà soát, xác định mức độ thiệt hại, đối tượng và kinh phí hỗ trợ khi thiên tai, dịch bệnh xảy ra báo cáo kịp thời Ủy ban nhân dân cấp huyện để thẩm định hồ sơ đề nghị

hỗ trợ thiệt hại, đồng thời phải chịu trách nhiệm về tính chính xác số liệu báo cáo.

d) Phê duyệt kinh phí hỗ trợ cho các đối tượng được hưởng, đồng thời chỉ đạo các cơ quan, địa phương trên địa bàn tổ chức chi trả kịp thời cho đối tượng và thanh quyết toán theo đúng quy định.

đ) Thực hiện công khai, dân chủ khi thực hiện chính sách hỗ trợ cho người dân.

Điều 6. Điều khoản thi hành

1. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn; Giám đốc Kho bạc nhà nước Bến Tre; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký ban hành và thay thế Quyết định số 1752/QĐ-UBND ngày 11 tháng 9 năm 2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc hỗ trợ hộ chăn nuôi tiêu hủy gia cầm, sản phẩm gia cầm do bệnh cúm gia cầm trên địa bàn tỉnh Bến Tre và Quyết định số 2811/QĐ-UBND ngày 29 tháng 11 năm 2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh về sửa đổi một số điều của Quyết định số 1752/QĐ-UBND ngày 11 tháng 9 năm 2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc hỗ trợ hộ chăn nuôi tiêu hủy gia cầm, sản phẩm gia cầm do bệnh cúm gia cầm trên địa bàn tỉnh Bến Tre./.

Nơi nhận:

- Như Điều 6;
- Bộ: LĐTĐXH;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra VBQPPL – Bộ Tư pháp (để kiểm tra);
- TT.TU, TT.HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh Bến Tre;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- UBNDTTQVN tỉnh;
- Sở Tư pháp (tự kiểm tra);
- Các sở, ngành tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Website Chính phủ;
- Website tỉnh;
- Trung tâm Tin học;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Báo Đồng Khởi; Đài PT-TH tỉnh;
- Phòng Tiếp dân(để niêm yết);
- N/c TC-ĐT, KTN,TH;
- Lưu VT.



Cao Văn Trọng

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục

**ĐÌNH MỨC CHI HỖ TRỢ GIỒNG CÂY TRỒNG, VẬT NUÔI, THỦY SẢN
ĐỀ KHỎI PHỤC SẢN XUẤT VÙNG BỊ THIẾT HẠI DO THIÊN TAI DỊCH BỆNH**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 27 /2013/QĐ-UBND
ngày 15 tháng 8 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

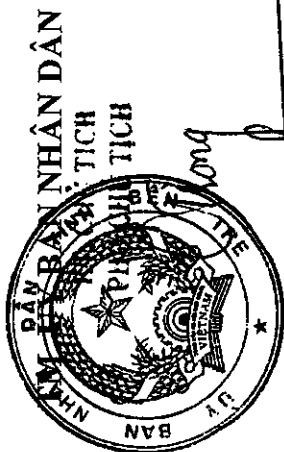
STT	Nội dung hỗ trợ	Đơn vị tính	Mức hỗ trợ (đồng)
1	Hỗ trợ cây trồng bị thiệt hại từ 30% trở lên (cho cả thiên tai và dịch bệnh)		
1	Diện tích gieo cấy lúa thuần bị thiệt hại:		
a	Diện tích gieo cấy lúa thuần bị thiệt hại hơn 70%	đồng/ha	2.000.000
b	Diện tích gieo cấy lúa thuần bị thiệt hại từ 30-70%	đồng/ha	1.000.000
2	Diện tích mạ lúa thuần bị thiệt hại:		
a	Diện tích mạ lúa thuần bị thiệt hại hơn 70%	đồng/ha	20.000.000
b	Diện tích mạ lúa thuần bị thiệt hại từ 30-70%	đồng/ha	10.000.000
3	Diện tích lúa lai bị thiệt hại:		
a	Diện tích lúa lai bị thiệt hại hơn 70%	đồng/ha	3.000.000
b	Diện tích lúa lai bị thiệt hại từ 30-70%	đồng/ha	1.500.000
4	Diện tích mạ lúa lai bị thiệt hại:		
a	Diện tích mạ lúa lai bị thiệt hại hơn 70%	đồng/ha	30.000.000
b	Diện tích mạ lúa lai bị thiệt hại từ 30-70%	đồng/ha	15.000.000

STT	Nội dung hỗ trợ	Đơn vị tính	Mức hỗ trợ (đồng)
5	Diện tích ngô và rau màu các loại bị thiệt hại:		
a	Diện tích ngô và rau màu các loại bị thiệt hại hơn 70%	đồng/ha	2.000.000
b	Diện tích ngô và rau màu các loại bị thiệt hại từ 30-70%	đồng/ha	1.000.000
6	Diện tích cây công nghiệp và cây ăn quả lâu năm bị thiệt hại:		
a	Diện tích cây công nghiệp và cây ăn quả lâu năm bị thiệt hại hơn 70%	đồng/ha	4.000.000
b	Diện tích cây công nghiệp và cây ăn quả lâu năm bị thiệt hại từ 30-70%	đồng/ha	2.000.000
II	Hỗ trợ bệnh vàng lùn, lùn xoắn lá và bệnh lùn sọc đen hại lúa phải tiêu hủy		
1	Diện tích lúa bị nhiễm bệnh vàng lùn, lùn xoắn lá và bệnh lùn sọc đen hại lúa phải tiêu hủy	đồng/ha	4.000.000
2	Hỗ trợ cứu đói cho các hộ nông dân bị thiệt hại do bệnh vàng lùn, lùn xoắn lá và bệnh lùn sọc đen hại lúa gây ra (thời gian hỗ trợ tối đa 6 tháng)	người/tháng	12 kg gạo
III	Hỗ trợ đối với nuôi gia súc, gia cầm		
1	Thiệt hại do thiên tai:		
a	Gia cầm (gà, vịt, ngan, ngỗng):	đồng/con	20.000
b	Lợn	đồng/con	750.000
c	Trâu, bò, ngựa	đồng/con	4.000.000
d	Hươu, nai, cừu, dê	đồng/con	2.000.000

STT	Nội dung hỗ trợ	Đơn vị tính	Mức hỗ trợ (đồng)
2	Thiệt hại do dịch bệnh nguy hiểm bắt buộc tiêu hủy vật nuôi mắc bệnh		
a	Gia cầm (gà, vịt, ngan, ngỗng)	đồng/con	35.000
b	Lợn	đồng/kg hơi	38.000
c	Trâu, bò, dê, cừu, ngựa, nai	đồng/kg hơi	45.000
IV	Hỗ trợ đối với nuôi thủy, hải sản (cho cả thiên tai và dịch bệnh)		
1	Nuôi cá truyền thống		
a	Diện tích bị thiệt hại hơn 70%	đồng/ha	10.000.000
b	Diện tích bị thiệt hại hơn 50% - 70%	đồng/ha	7.000.000
c	Diện tích bị thiệt hại từ 30-50%	đồng/ha	5.000.000
2	Nuôi tôm quảng canh		
a	Diện tích bị thiệt hại hơn 70%	đồng/ha	6.000.000
b	Diện tích bị thiệt hại hơn 50% đến 70%	đồng/ha	4.000.000
c	Diện tích bị thiệt hại từ 30% - 50%	đồng/ha	3.000.000
3	Nuôi tôm sú thâm canh		
a	Diện tích bị thiệt hại hơn 70%	đồng/ha	8.000.000
b	Diện tích bị thiệt hại hơn 50% đến 70%	đồng/ha	6.000.000
c	Diện tích bị thiệt hại từ 30% - 50%	đồng/ha	4.000.000
4	Nuôi tôm thẻ chân trắng thâm canh		
a	Diện tích bị thiệt hại hơn 70%	đồng/ha	30.000.000
b	Diện tích bị thiệt hại hơn 50% - 70%	đồng/ha	20.000.000
c	Diện tích bị thiệt hại từ 30%-50%	đồng/ha	15.000.000
5	Nuôi cá tra thâm canh		



STT	Nội dung hỗ trợ	Đơn vị tính	Mức hỗ trợ (đồng)
a	Diện tích bị thiệt hại hơn 70%	đồng/ha	30.000.000
b	Diện tích bị thiệt hại hơn 50% - 70%	đồng/ha	20.000.000
c	Diện tích bị thiệt hại từ 30% - 50%	đồng/ha	15.000.000
6	Nuôi thủy sản, hải sản lồng, bè		
a	Lồng bè nuôi bị thiệt hại hơn 70%	đồng/100m3 lồng	10.000.000
b	Lồng, bè nuôi bị thiệt hại hơn 50% - 70%	đồng/100m3 lồng	7.000.000
c	Lồng, bè nuôi bị thiệt hại từ 30% - 50%	đồng/100m3 lồng	5.000.000



Cao Văn Trọng